**Tuần 1:**

**Bài mở đầu:**

**HÒA NHẬP VÀO MÔI TRƯỜNG MỚI**

**Tiết 1, 2:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC**  **(HS tự học)** | **NỘI DUNG GHI BÀI**  **(HS chép bài vào vở)** |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.***  - HS đọc văn bản HS thực hiện Phiếu học tập sau:   |  |  | | --- | --- | | **Gợi ý** | **Ý kiến của em** | | Cảm xúc của em khi bước chân vào môi trường THCS là gì? |  | | Em nhận thấy những thuận lợi cơ bản trong chặng đường mới này của mình là gì? |  | | Đâu là những khó khăn, thử thách đối với em? |  | | Nguyện vọng |  |   - HS đọc văn bản: *Khám phá một chặng hành trình…* SGK/trang 10.  - HS trả lời câu hỏi 1, 2 SGK/trang 12.  - HS đọc *Kế hoạch hoạt động câu lạc đọc sách* SGK/ 13, 14, 15  - HS thực hiện phiếu đọc sách theo các mẫu 1, 2, 3, 4.  - Học sinh tổ nào làm theo nội dung của tổ đó.  + **Tổ 1: *Người tìm từ hay*.**  **+ Tổ 2: *Người liên hệ.***  **+ Tổ 3: *Người lập hồ sơ nhân vật.***  **+ Tổ 4: *Người vẽ hình ảnh.*** | **I. Nói và nghe: *Chia sẻ cảm nghĩ về môi trường Trung học cơ sở***  HS thực hiện Phiếu học tập: *(Theo ý kiến riêng của HS, đây chỉ là gợi ý)*   |  |  | | --- | --- | | **Gợi ý** | **Ý kiến của em** | | Cảm xúc của em khi bước chân vào môi trường THCS là gì? | *- Háo hức*  *- Nôn nao, lo lắng*  *- Tự tin, tự hào* | | Em nhận thấy những thuận lợi cơ bản trong chặng đường mới này của mình là gì? | *- Học tập linh hoạt*  *- Phong trào hoạt động phong phú*  *- Cơ sở vật chất khang trang*  *- Thầy cô tận tình, chu đáo, bạn bè hòa đồng* | | Đâu là những khó khăn, thử thách đối với em? | *- Chưa thích nghi với phương pháp học tập mới*  *- Chưa mạnh dạn tham gia phong trào*  *- Chưa có cơ hội khám phá hết các phòng học*  *- Chưa làm quen với các bạn* | | Nguyện vọng | *- Học được nhiều điều mới*  *- Phát triển kĩ năng*  *- Hòa đồng với bạn bè* |   **II. Đọc: *Khám phá một chặng hành trình…***  **1. Ý nghĩa tên sách: *Chân trời sáng tạo***  - Bộ sách là một thế giới rộng lớn, phong phú về tri thức mà các em thỏa sức khám phá và sáng tạo.  - Khơi gợi ở các em niềm đam mê khám phá thế giới và theo đuổi những ý tưởng mới mẻ.  **2. Nội dung sách Ngữ văn lớp 6**   |  |  | | --- | --- | | **Mạch kết nối** | **Các bài liên quan** | | Kết nối với thiên nhiên | *Trò chuyện cùng thiên nhiên, Mẹ thiên nhiên, Vẻ đẹp quê hương.* | | Kết nối với cộng đồng. | *Lắng nghe lịch sử nước mình, Miền cổ tích, Những góc nhìn cuộc sống, Gia đình thương yêu.* | | Kết nối với chính mình | *Những trải nghiệm trong đời, Điểm tựa tinh thần, Nuôi dưỡng tâm hồn.* |   **3. Phương pháp học tập môn Ngữ văn**  - Sử dụng sổ tay Ngữ văn.  - Sưu tầm video, clip, tranh ảnh, bài hát về bài học.  - Tạo nhóm thảo luận môn học.  - Làm thẻ thông tin.  - Thực hiện các sản phẩm sáng tạo.  - Câu lạc bộ đọc sách.  **III. Viết: *Lập kế hoạch câu lạc bộ đọc sách***  **1. Câu lạc bộ đọc sách**  - Là một nhóm người có chung sở thích đọc sách, tìm hiểu thế giới tri thức từ sách.  - Để câu lạc bộ hoạt động hiệu quả, cần phải lập kế hoạch hoạt động khoa học.  **2. Lập kế hoạch hoạt động cho câu lạc bộ đọc sách.**  **a. Phân tích mẫu kế hoạch – SGK trang 13**  - Kế hoạch chi tiết, cụ thể về:  + Nhiệm vụ của các thành viên  + Hình thức sinh hoạt  + Thời gian  + Địa điểm  **b. Kế hoạch sinh hoạt câu lạc bộ trao đổi về cuốn sách đã đọc.**  *HS làm và nộp kế hoạch theo yêu cầu vào tuần học sau.* |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***  - Học sinh vẽ sơ đồ tư duy các nội dung trong bài học  - Em hãy đề xuất các phương pháp để học tốt môn Ngữ văn 6. | **IV. Luyện tập:**  - Học sinh hoàn thành sơ đồ tư duy các nội dung trong bài học vào vở.  - Học sinh trả lời theo ý kiến riêng.  *(HS chỉ đọc tham khảo, không chép phần dưới đây)*  **1.** **Chuẩn bị đầy đủ phương tiện học tập:**  ***a. Sách:***  - Bắt buộc: Sách giáo khoa (quyển tập 1 và tập 2)  -  Sách tham khảo: (học sinh đọc thêm để mở rộng hiểu biết)  Ví dụ: + Truyện dân gian Việt Nam  + *Dế Mèn phiêu lưu kí* – Tô Hoài  + Tập thơ “Góc sân và khoảng trời” – Trần Đăng Khoa …  ***b. Chuẩn bị đủ vở ghi****:* 3 quyển  - *Vở trên lớp:* ghi chép nội dung học trên lớp và những dặn dò cho bộ môn  - *Vở soạn:* dùng để soạn phần nhiệm vụ ở nhà  + Đối với truyện: tóm tắt văn bản (có thể làm miệng), tìm bố cục, trả lời câu hỏi trong SGK (theo khả năng tìm hiểu của bản thân)  + Đối với thơ: không soạn tóm tắt, chỉ tìm bố cục, trả lời câu hỏi SGK  *-  Vở bài tập:* Làm bài tập của bài học Gv giao.  **2. Sự chuẩn bài trước tiết học**  -Mang đầy đủ sách, vở bộ môn khi đến lớp;  - Đọc bài (ít nhất 3 lần), soạn bài, làm bài đầy đủ trước khi đến lớp;  - Tập kể lại truyện nhiều lần không nhìn vào sách, vở;  - Sưu tầm tài liệu liên quan bài học (video, clip, hình ảnh, bài hát,...)  - Thường xuyên đọc sách, báo, truyện, ... phù hợp với lứa tuổi và có tính nhân văn;  - Cần đọc nhiều để mở rộng kiến thức, trau dồi vốn từ, mở rộng kiến thức;  - Chia sẻ những thắc mắc, những tâm đắc cho bạn bè (qua mail, điện thoại, ...)   * **Với Đọc hiểu văn bản:**          - Tóm tắt, nắm được nội dung, nghệ thuật;         - Đọc thêm nguyên tác để hiểu rõ về đoạn trích.   * **Với Thực hành Tiếng Việt:**          - Thực hành nhiều bài tập;         - Tìm thêm ví dụ.   * **Với kĩ năng Viết:**          - Lập dàn ý, học cách viết theo từng thể loại (tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, nhật dụng);         - Tập viết nhiều để rèn kĩ năng tạo lập văn bản (viết từng đoạn vàviết thành bài).   * **Với kĩ năng Nói và nghe:**   Tập điều chỉnh thái độ, cảm xúc và kĩ năng nói/nghe cho phù hợp; tích cực khắc phục các lỗi mắc phải.  **3. Hoạt động trong lớp:**   * **Ghi chép:**             - HS ghi bài theo nội dung giáo viên trình bày trên bảng:  + Trình bày theo phương pháp truyền thống.  + Trình bày theo sơ đồ tư duy   * **Rèn luyện:**           -  Cố gắng hiểu bài ngay trên lớp, nên hỏi lại GV hoặc bạn bè về những điều chưa nắm vững hoặc những thắc mắc có liên quan đến bài học;           - Giải bài tập tại lớp.   * **Chia sẻ:**            -  Tích cực tham gia chia sẻ (phát biểu, thảo luận, thuyết trình, ...);  **4. Hoạt động ngoại khoá và ngoài giờ lên lớp:**            -  Tập quan sát, ghi nhận những điều quan sát được về thế giới quanh em;         -   Nên có thói quen lập sổ tay văn học.  - Học theo nhóm .  - Tham gia câu lạc bộ đọc sách của trường/lớp.   * **Nhiệm vụ ở nhà:**   - Hoàn thành các yêu cầu của GV  - Soạn bài 1 – Văn bản *Thánh Gióng* |

**Tuần 1:**

**Bài 1:**

**LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH**

**Tiết 3, 4:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC** | **NỘI DUNG GHI BÀI** |
| **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.***  - HS đọc phần **Tri thức đọc hiểu** trong SGK trang 17, 18 để nêu những hiểu biết về thể loại.  *+ Khái niệm của truyện truyền thuyế?*  *+ Đặc điểm truyện truyền thuyết*  *+ Phân loại*  - HS đọc văn bản Thánh Gióng SGK/trang 20, 21, 22  - Chia bố cục văn bản  - Tóm tắt các sự việc chính của văn bản  - Đọc thầm phần 1 của văn bản truyện: từ đầu đến “…*nằm đấy*”.  - Tìm những chi tiết kể về sự ra đời của Gióng (bình thường/ khác thường)  - Nhận xét về những chi tiết ấy. Suy nghĩ gì về nguồn gốc của Gióng.  - HS thực hiện phiếu học tập *(kèm ở cuối bài)*  - HS thực hiện phiếu học tập *(kèm ở cuối bài)*  - HS liệt kê và nêu ý nghĩa những dấu tích đánh giặc của Thánh Gióng.  - HS trả lời các câu hỏi:  *+ Vai trò của các yếu tố hoang đường, kì ảo trong việc thể hiện nội dung?*  *+ Thông qua hình tượng Thánh Gióng, truyện phản ánh hiện thực và ước mơ gì của nhân dân?* | **Nội dung 1: Đọc – hiểu văn bản**  **A. Tìm hiểu chung về truyện truyền thuyết.**  **I. Khái niệm**  *Truyện truyền thuyết* là loại truyện dân gian, có yếu tố hoang đường, kì ảo, kể về các sự việc và nhân vật liên quan đến lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc phong tục, cảnh vật địa phương theo quan niệm của nhân dân.  **II. Đặc điểm:**  **1. Cách xây dựng nhân vật**  - Nhân vật thường có đặc điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng, sức mạnh…  - Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lao lớn đối với cộng đồng.  - Được cộng đồng truyền tụng và tôn thờ.  **2. Cốt truyện**  - Thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.  - Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật.  - Cuối truyện thường gợi nhắc dấu tích xưa còn lưu lại đến hiện tại.  **3. Phân loại**  - Truyền thuyết thời Hùng Vương - thời đại mở đầu lịch sử Việt Nam. Đặc điểm: gắn với việc giải thích nguồn gốc dân tộc và công cuộc dựng nước, giữ nước thời đại vua Hùng.  - Truyền thuyết của các triều đại phong kiến. Đặc điểm: bám sát lịch sử hơn, và sử dụng ít yếu tố hoang đường, kì ảo hơn các truyền thuyết thời Hùng Vương.  **B. Đọc – hiểu các văn bản**  **Văn bản 1: Thánh Gióng**  **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Hướng dẫn đọc và tìm hiểu chú thích***  - Đọc  - Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó  ( SGK-T15, 16, 17, 18)  ***2. Bố cục văn bản****:* *Văn bản chia làm 4 phần*  **- Phần 1:** *Từ đầu đến “…đặt đâu nằm đấy” (Sự ra đời của Thánh Gióng)*  **- Phần 2:** *Tiếp đến“…cứu nước”(Sự lớn lên của Thánh Gióng)*  **- Phần 3:** *Tiếp đến“...bay lên trời” (Thánh Gióng đánh giặc và về trời)*  **- Phần 4:** *Còn lại ( các dấu tích còn lại)*  ***3. Nhân vật và sự việc:***  - Nhận vật chính: Thánh Gióng  - Truyền thuyết Thánh Gióng liên quan đến sự thật lịch sử ở thời đại Hùng Vương:  + Đã có những cuộc chiến tranh ác liệt diễn ra giữa dân tộc ta và giặc ngoại xâm từ phương Bắc.  + Người Việt thời bấy giờ đã chế tạo ra vũ khí bằng sắt, thép.  + Người Việt cổ đã cùng đoàn kết đứng lên chống giặc ngoại xâm, dùng tất cả các phương tiện để đánh giặc.  - Sự việc chính:  (1) *Sự ra đời kì lạ*  *(2)Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc*  *(3) Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt*  *(4) Gióng vươn vải trở thành tráng sĩ*  *(5) Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc*  *(6) Gióng bay về trời*  **II. Đọc hiểu chi tiết văn bản**  ***1. Sự ra đời của Thánh Gióng***  *- Sự bình thường*: Con hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và phúc đức*.*  *- Sự khác thường:*  + bà mẹ ướm vết chân lạ, về thụ thai.  + mười hai tháng sau sinh một cậu bé ....  + lên ba vẫn không biết nói, biết cười, chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.  -> *Sự ra đời của Thánh Gióng kì lạ, khác thường. Nhưng Gióng xuất thân bình dị, gần gũi- người anh hùng của nhân dân*.  ***2. Sự lớn lên của Thánh Gióng***  **a. Tiếng nói đầu tiên, Gióng xin đi đánh giặc.**  - Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn...  - Nguyện vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ.  - Sức mạnh tự cường và niềm tin chiến thắng.  **b. Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, áo giáp sắt.**  -> Vũ khí lợi hại  *🡪 Chi tiết thể hiệnmơ ước có vũ khí thần kỳ. Đó còn là thành tựu văn hoá, kĩ thuật thời Hùng Vương. Nhân dân đã có sự tiến bộ, đã rèn sắt, đúc đồng phục vụ nhu cầu cuộc sống và chống giặc****.***  **c. Bà con dân làng góp gạo nuôi Gióng.**  *->* Tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân.  *-> Gióng lớn lên bằng cơm gạo của nhân dân. Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của cả cộng đồng, toàn dân chung sức, đồng lòng đánh giặc. Đó là tinh thần đoàn kết dân tộc.*  ***3. Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời***  **a***.* **Vùng dậy vươn vai biến thành tráng sĩ.**  🡪 Sự lớn dậy phi thường về thể lực của Gióng để đáp ứng yêu cầu cứu nước.  - *Gióng mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt, cưỡi ngựa sắt ... đánh hết lớp này đến lớp khác.*  ***🡪 Đó là vẻ đẹp dũng mãnh của người anh hùng theo cái nhìn lí tưởng hoá của nhân dân.***  - Roi sắt gãy, Gióng nhổ những bụi tre bên đường đánh giặc.  *🡪 Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cỏ cây, hoa lá của đất nước.*  **b. Gióng bay về trời.**  🡪 Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh.  ***🡪*** Sự ra đi phi thường là ước muốn bất tử hoá Thánh Gióng  ***4. Những vết tích còn lại của Gióng***  - Tre đằng ngà vì ngựa phun bị cháy ngả màu vàng  - Vết chân ngựa thành những hồ ao liên tiếp  - Khi ngựa hét lửa, lửa cháy một làng  -> làng Cháy  *-> Sự thật lịch sử, sự trân trọng, biết ơn, niềm tự hào và ước muốn về một người anh hùng cứu nước giúp dân.*  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  Sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo để lí tưởng hoá người anh hùng lịch sử, thể hiện quan niệm, cách đánh giá của nhân dân về người anh hùng.  **2. Nội dung**  - Thánh Gióng là biểu tượng rực rỡ của lòng yêu nước, sức mạnh phi thường của dân tộc.  - Thể hiện ước mơ của nhân dân về người anh hùng đánh giặc. |
| **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.***  Học sinh thực hiện yêu cầu sau:  1. Việc lập đền thờ và hàng năm mở hội Gióng thể hiện điều gì? Nêu một vài hiểu biết của em về hội Gióng.  2. Tại sao hội thi thể thao trong nhà trường mang tên **“*Hội khỏe Phù Đổng”***? | **IV. Luyện tập:**  **1. Việc lập đền thờ và hàng năm mở hội Gióng**  - Thể hiện tấm lòng tri ân người anh hùng bất tử, hướng về cội nguồn.  - Hội Gióng là một lễ hội văn hóa cổ truyền mô phỏng rõ một cách sinh động và khoa học diễn biến các trận đấu của [thánh Gióng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1nh_Gi%C3%B3ng) và nhân dân [Văn Lang](https://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_Lang) với giặc Ân. Thông qua đó có thể nâng cao "nhận thức cộng đồng về các hình thức chiến tranh bộ lạc thời cổ xưa và liên tưởng tới cuộc chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện trong sự nghiệp giải phóng và bảo vệ Tổ quốc".  **2. Lí do đặt tên: Hội khỏe Phù Đổng**  - Hội thi dành cho lứa tuổi thiếu niên, lứa tuổi Thánh Gióng trong thời đại mới.  - Hình ảnh Thánh Gióng là hình ảnh của sức mạnh, của tinh thần chiến thắng rất phù hợp với ý nghĩa của một hội thi thể thao.  - Mục đích của hội thi là rèn luyện thể lực, sức khoẻ để học tập, lao động, góp phần bảo vệ và xây dựng Tổ quốc sau này.   * **Nhiệm vụ ở nhà:**   - Hoàn thành các yêu cầu của GV  - Soạn bài: “Sự tích Hồ Gươm” |

**PHIẾU HỌC TẬP:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chi tiết** | **Cảm nhận về ý nghĩa chi tiết** | **Nghệ thuật xây dựng** |
| a. Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc |  |  |
|  |  |
|  |  |
| b. Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt |  |  |
|  |  |
|  |  |
| c. Bà con góp gạo nuôi Gióng |  |  |
|  |  |
| d. Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ |  |  |
|  |  |
| đ. Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc |  |  |
|  |  |
| e. Giặc tan, Gióng cởi bỏ giáp sắt rồi bay về trời |  |  |
|  |  |

* **Học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, các trở ngại khi thực hiện các nhiệm vụ học tập theo mẫu sau: (*Học sinh không thể học tập trực tuyến)***

Trường: …………………..

Lớp: ………………………

Họ tên học sinh: ………………………

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Môn học** | **Nội dung học tập** | **Câu hỏi của học sinh** |
| Ngữ văn | **I.**  **II.** | *1.*  *2.*  *3.* |

***-> HS gửi qua Zalo nhóm lớp***